

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 556/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 1 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ G, ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà T có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/8/2023, nguyên đơn bà T trình bày:

Bà với ông C cưới nhau vào năm 1986 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới nhau vợ chồng bà chung sống với nhau và đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho đến nay.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, ông C sống thiếu quan tâm

chia sẻ những khó khăn với bà trong cuộc sống hàng ngày, hay kiếm chuyện gây sự, chửi mắng, đánh bà rất nhiều lần. Từ đó, làm cho cuộc sống của vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có hạnh phúc.

Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ sẽ ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của các con, nên bà luôn nhường nhịn ông C trong cuộc sống và khuyên ông C nên sửa đổi tính tình để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Thời gian qua mặc dù bà cố gắng rất nhiều nhưng ông C vẫn không chịu sửa đổi tính tình, vẫn chửi mắng, đánh bà nhiều hơn, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Ngô Văn C1, sinh năm 1986 và Ngô Văn T1, sinh năm 1988, đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T có đơn xin vắng mặt. Ông C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông C theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông C chung sống vợ chồng năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 29/7/2004, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông C là hợp pháp. Bà T xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu xin ly hôn với ông C. Nhưng ông C cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của bà T, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông C có hai người con chung tên Ngô Văn C1, sinh năm 1986 và Ngô Văn T1, sinh năm 1988. Anh C1, anh T1 đã thành niên, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và không có nợ chung; ông C không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị T ly hôn với ông Ngô Văn C.

2. Án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0018202 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy bà T đã thi hành xong án phí.

3. Bà T, ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức